TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2024
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Kiên Hiển
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1984
Địa chỉ: 28B/22 D, Phường A, Quận B, TP. H.

Bị đơn: Ông Trần Duy Q, sinh năm 1981
Địa chỉ: 79/60 T, Phường D, Quận A, TP. H.

(Bà L và ông Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Bà và ông Trần Duy Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 208, cấp ngày 15/7/2008. Trong thời gian chung sống có 02 con chung là Trần Tấn P, sinh ngày 06/02/2009 và Trần Ngọc K, sinh ngày 04/6/2012.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do không cùng quan điểm trong cuộc sống, quá khác biết về tính cách cũng như suy nghĩ, trong sinh hoạt thường ngày thường xuyên gây lộn, cãi vả. Từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Duy Q.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Tấn P, sinh ngày 06/02/2009 và Trần Ngọc K, sinh ngày 04/6/2012.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và các khoản nợ chung khác: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, bị đơn ông Trần Duy Q trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc L. Tuy nhiên do tính chất công việc thường xuyên đi tỉnh xa nên ông không thể lên Tòa đúng lịch triệu tập nên cho phép ông được vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như phiên tòa xét xử ly hôn sắp tới. Các vấn đề đã được ông thể hiện rõ trong bản tự khai, Đơn xin vắng mặt và Bản cam kết không thay đổi ý kiến về việc bà L yêu cầu ly hôn với ông, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân; Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc L; Về Con chung: Ông đồng ý giao 02 con chung tên Trần Tấn P, sinh ngày 06/02/2009 và Trần Ngọc K, sinh ngày 04/6/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Duy Q nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Duy Q có hộ khẩu thường trú tại số 79/60 T, Phường S, Quận A, TP. Hồ Chí Minh. Hiện vẫn đang cư ngụ tại địa chỉ trên thông qua việc trực tiếp ký nhận các văn bản tống đạt của Tòa án. Vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà L, bị đơn ông Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc L và ông Trần Duy Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S , Tp. H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 208, cấp ngày 15/7/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Ngọc L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Duy Q với lý do: Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do không cùng quan điểm trong cuộc sống, quá khác biết về tính cách cũng như suy nghĩ, trong sinh hoạt thường ngày thường xuyên gây lộn, cãi vả. Từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Duy Q.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Xét, tại bản tự khai; Đơn xin vắng mặt và Bản cam kết bị đơn ông Q cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng là không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà L và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...".

Và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: "1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được….".

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn đã tồn tại thời gian dài nhưng bà L và ông Q không thể giải quyết được, dẫn đến bà L và ông Q không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ gia đình, yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ Bản sao giấy khai sinh số 089 mang tên trẻ Trần Tấn P, sinh ngày 06/02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Tp. H cấp ngày 18/02/2009 và Bản sao giấy khai sinh số 363, quyển số 02/2012 mang tên trẻ Trần Ngọc K, sinh ngày 04/6/2012 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Tp. H cấp ngày 18/6/2012 thể hiện có cha là ông Trần Duy Q và mẹ là bà Nguyễn Ngọc L. Quá trình giải quyết vụ án bà L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ P, trẻ K và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét, tại bản tự khai, Đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, bị đơn ông Trần Duy Q cũng đồng ý và thống nhất giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; về việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, tại bản tự khai của trẻ Trần Tấn P, Trần Ngọc K đều thể hiện nội dung là các trẻ P, K có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Ngọc L;

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "…Cha, mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển…". Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên….".

Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao trẻ P, K cho bà L nuôi dưỡng. Bà L tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà L không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L được ly hôn với ông Trần Duy Q.

- Về con chung: Giao trẻ tên Trần Tấn P, sinh ngày 06/02/2009. và Trần Ngọc K, sinh ngày 04/6/2012 cho bà Nguyễn Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Ngọc L không yêu cầu ông Trần Duy Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Duy Q được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông Q thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Ngọc L phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009446 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- UBND P.5, Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (…).

Phạm Văn Tuấn